

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Công văn số _____ /UBND-HCC ngày _____ tháng _____ năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã	Tên	Lĩnh vực	Cơ quan công bố
1	1.012893.H19	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
2	1.012892.H19	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
3	1.012898.H19	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
4	1.012897.H19	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
5	1.012896.H19	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
6	2.001953.000.00.00.H19	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai
7	1.001274.H19	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
8	1.005103.H19	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
9	1.013089.H19	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
10	1.003590.H19	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu ca	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai
11	1.001298.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước q	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
12	1.001380.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
13	1.003522.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
14	1.000450.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
15	1.013643.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
16	1.000430.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
17	1.013642.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
18	1.000398.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
19	1.003477.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
20	1.003400.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
21	1.002960.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
22	1.000676.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
23	1.014119.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
24	1.000694.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
25	1.000432.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
26	1.000603.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
27	2.001372.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
28	1.000665.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
29	1.000695.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
30	1.000382.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
31	1.010056.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
32	1.000664.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
33	1.000686.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
34	1.000431.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
35	1.008361.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
36	2.000260.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
37	1.000490.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
38	1.007968.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu AHK	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
39	1.008667.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.1	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
40	1.010762.H19	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
41	1.014331.H19	Cấp Giấy chứng sinh	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai
42	3.000333.H19	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đang cư	Lý lịch tư pháp (Bộ Công an)	UBND tỉnh Đồng Nai
43	1.000366.H19	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
44	1.014128.H19	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai
45	1.012507.H19	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu	Đầu thầu (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai
46	1.002204.000.00.00.H19	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai
47	3.000361.H19	Cấp giấy phép cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3	Sát hạch, cấp giấy phép lái xe (Bộ Công an)	UBND tỉnh Đồng Nai
48	3.000364.H19	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	Chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện (Bộ Công an)	UBND tỉnh Đồng Nai
49	1.001383.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
50	1.014332.H19	Cấp lại Giấy chứng sinh	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Mã	Tên	Lĩnh vực	Cơ quan công bố
51	1.008882.H19	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
52	1.014346.H19	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Đồng Nai
53	1.012894.H19	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Đồng Nai
54	1.001978.000.00.00.H19	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai
55	1.001370.H19	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kh	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
56	1.014316.H19	Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ đầu tư (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai
57	1.001335.H19	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
58	1.004894.000.00.00.H19	Quản lý và sử dụng hoá đơn bán TSNN và hoá đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai
59	1.000799.H19	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
60	1.002968.H19	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
61	1.000758.H19	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
62	1.000362.000.00.00.H19	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai
63	2.002411.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
64	2.002407.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
65	2.002409.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
66	2.002394.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
67	2.002396.000.00.00.H19	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
68	1.014193.H19	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Đồng Nai
69	2.002400.000.00.00.H19	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
70	1.000483.000.00.00.H19	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá (Lĩnh vực Giá)	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai
71	1.005007.000.00.00.H19	Thủ tục mua bán hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Đồng Nai
72	1.000421.H19	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
73	2.002403.000.00.00.H19	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
74	1.010943.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
75	1.010945.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
76	2.002402.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
77	2.002401.000.00.00.H19	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
78	2.002499.000.00.00.H19	Thủ tục xử lý đơn thư tại cấp tỉnh	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
79	2.002501.000.00.00.H19	Thủ tục xử lý đơn thư tại cấp xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Đồng Nai
80	1.011546.H19	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Đồng Nai
81	2.000303.H19	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Đồng Nai
82	1.01313.H19	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Đồng Nai